

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	246,705	TỔNG SỐ CHI	246,705
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1,636	I. Chi đầu tư phát triển	1,800
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4,822	II. Chi thường xuyên	240,088
III. Thu bổ sung	240,247	III. Chi dự phòng	4,817
- Bổ sung cân đối	240,247		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	257,152	246,705
I	Các khoản thu 100%	1,636	1,636
	Phí, lệ phí	201	201
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1,160	1,160
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	275	275
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	15,269	4,822
1	Các khoản thu phân chia	2,030	2,030
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1,250	1,250
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	780	780
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	13,239	2,792
	- Thuế thu nhập cá nhân	502	402
	- Thu tiền sử dụng đất	12,000	1,800
	- Thuế thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	737	590
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	240,247	240,247
	- Thu bổ sung cân đối	240,247	240,247
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	4	5	6
	TỔNG CHI	246,705	1,800	244,905
	Trong đó			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	102,982		102,982
2	Chi khoa học và công nghệ			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	232		232
4	Chi văn hóa thông tin	1,784		1,784
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1,137		1,137
6	Chi thể dục thể thao	716		716
7	Chi bảo vệ môi trường	6,588		6,588
8	Chi các hoạt động kinh tế	12,387		12,387
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	54,582		54,582
10	Chi bảo đảm xã hội	53,064		53,064
11	Chi khác	6,617		6,617
12	Dự phòng	4,817		4,817

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Giá trị đã thanh toán đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		324,680	0	324,680	248,288	76,392	76,392	76,392	0
I. Công trình chuyển tiếp		324,680	0	324,680	248,288	76,392	76,392	76,392	0
Thị trấn Thanh Hà		9,888	0	9,888	9,074	814	814	814	0
Cải tạo rãnh thoát nước trường tiểu học Thanh Khê GD 1	2023	1,206		1,206	1,167	39	39	39	
Nhà xe cán bộ công chức xã Thanh Khê	2023	281		281	260	21	21	21	
Cải tạo sửa chữa chùa Đa Khê. HM Cải tạo chùa chính, cổng tường rào	2020-2021	1,086		1,086	1,061	25	25	25	
Cải tạo nâng cấp đường trục xã Thanh Khê (đoạn từ nhà Văn hoá đến cổng xuân an).HM: Di chuyển đường điện 0,4kW	2019	1,341		1,341	1,291	50	50	50	
Đường bê tông xi măng Thị trấn	2016-2017	959		959	455	504	504	504	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Giá trị đã thanh toán đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Nhà hiệu bộ 2 tầng trường THCS Thị trấn	2011-2012	2,158		2,158	2,056	102	102	102	
Nhà lớp học bộ môn 2T4P trường THCS Thị trấn	2011-2012	2,857		2,857	2,784	73	73	73	
Xã Thanh Tân		3,637	0	3,637	3,559	78	78	78	0
XD HTKT điểm dân cư xóm 5 GĐ 2. HM: Bỏ sung đường giao thông	2019-2020	3,637		3,637	3,559	78	78	78	
Xã Thanh Sơn		20,033	0	20,033	19,387	646	646	646	0
Nhà lớp học 2T10P trường Tiểu học Thanh Sơn	2016-2017	4,145		4,145	3,954	191	191	191	
Trạm y tế xã Thanh Sơn	2014-2015	3,406		3,406	3,338	68	68	68	
Cải tạo đường giao thông huyện qua xã đoạn từ ngã tư Thuý Lâm đến vườn nhà ông Thìn L 480m	2018-2019	6,232		6,232	6,160	72	72	72	
Đài liệt sỹ xã Thanh Sơn. HM xây dựng tường rào bỏ sung	2012-2013	258		258	195	63	63	63	
Trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND mở rộng	2020-2021	4,235		4,235	4,160	75	75	75	

